

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẤT ĐỎ, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Dung

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Huỳnh Thị Thuần

Bà Bùi Thị Kim Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Mai -Thư ký TAND huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Lực - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 29 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2017/TLST-HS ngày 11 tháng 8 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2017/QĐST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2017, đối với bị cáo:

Nguyễn Minh T (tên gọi khác: L)- sinh năm: 1991 tại tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Chỗ ở: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Nghề nghiệp: Phụ hồ; Trình độ văn hoá: 06/12; Dân tộc: Kinh; Con ông Nguyễn Văn M và bà Võ Thị M (đã chết); Vợ: Trần Thị Như T và có 01 con sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo đang tại ngoại và có mặt tại phiên toà

- Bị hại: Anh Trần Như S - sinh năm: 1977, vắng mặt

Địa chỉ: ấp B, xã P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn M - sinh năm: 1960, có mặt

Địa chỉ: khu phố T, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

- **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Bá Đ - sinh năm: 1991, vắng mặt
Địa chỉ: 295 Đường T, phường N, thành phố R, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 19-6-2017, Nguyễn Minh T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 72H1-037.42 đến phòng trọ số 02 do anh Trần Như S thuê thuộc khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và nhìn thấy phòng không khóa cửa, gần cửa sổ để một chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S nên T nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của anh S. T lén lút đi vào phòng lấy chiếc điện thoại rồi điều khiển xe về nhà cất giấu.

Tang vật thu giữ: 01 (một) chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S và 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Nouvo biển số 72H1-037.42. Quá trình điều tra đã giao trả lại tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại và giao trả xe cho chồng của chủ sở hữu xe bà Võ Thị M (đã chết) là ông Nguyễn Văn M.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 20-6-2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đất Đỏ: một chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S, màu vàng hồng số IMEI 1 là 863632031973676, số IMEI 2 là 863632031973668 tại thời điểm chiếm đoạt có giá trị còn lại là 3.568.500đ (Ba triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng).

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại không có ý kiến gì hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Bản cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo Nguyễn Minh T về “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra bị hại đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì thêm.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Nguyễn Minh T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám tháng) tính từ ngày tuyên án.

- Vật chứng đã xử lý xong và về trách nhiệm dân sự: Anh S không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo nhận thấy hành vi của bị cáo là sai trái, vi phạm pháp luật, bị cáo rất ăn năn hối cải, hiện bị cáo có con nhỏ nên mong Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo để ở nhà phụ giúp gia đình.

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đất Đỏ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người bị hại và người làm chứng, tuy nhiên sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 192 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, theo đó xác định như sau: Vào khoảng 13 giờ 40 phút ngày 19/6/2017 tại phòng trọ T thuộc khu phố B, thị trấn Đ, huyện Đ bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại di động hiệu OPPO F1S trị giá 3.568.500đ (Ba triệu năm trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) của anh Trần Như S. Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành “Tội trộm cắp tài sản” theo khoản

1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Do đó có đủ căn cứ khẳng định bản cáo trạng số 17/QĐ-KSĐT ngày 11 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đất Đỏ truy tố bị cáo T là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là trái pháp luật, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ và gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy cần áp dụng một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và cải tạo bị cáo thành một công dân tốt, đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[5] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có các tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng và đã khắc phục bồi thường thiệt hại cho người bị hại. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, khi lượng cần áp dụng để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[6] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, có khả năng tự cải tạo nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội mà để giám sát, giáo dục tại cộng đồng cũng đủ điều kiện giúp bị cáo trở thành người có ích cho xã hội nên áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì nên không xét đến.

[8] Về vật chứng: Đã giải quyết xong.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Minh T (tên gọi khác: L) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng: khoản 1 Điều 138; điểm b, g, h, p khoản 1 Điều 46 và Điều 60 Bộ luật Hình sự; xử phạt: Nguyễn Minh T 06 (Sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 (Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án là ngày 29 -8 -2017.

Giao bị cáo Nguyễn Minh T cho Ủy ban nhân dân thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Minh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án Hình sự.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Minh T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BRVT;
- Sở tư pháp tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- VKSND huyện Đất Đỏ;
- Công an huyện Đất Đỏ;
- Chi Cục THADS huyện Đất Đỏ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Dung